

Bản án số: 19 /2018/KDTM-PT
Ngày: 23/10/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng đầu tư

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Nguyễn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư*”. Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20A/2018/QĐXXPT-DS ngày 01/10/2018, giữa:

- **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Bá Q, sinh năm: 1961. Địa chỉ: 09 N, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/10/2018): Bà Nguyễn Thị Phương L. Địa chỉ: LQuảng Nam (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Mai Ngọc B - Văn phòng Luật sư N-Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- **Bí đơn:** Công ty cổ phần D. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn (Giấy ủy quyền số: 43/UQ-CT.2013 ngày 18/12/2013): Bà Lê Thị Mỹ H - Phó Giám đốc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty: Luật sư Nguyễn Hoàng A - Văn phòng Luật sư Đ - Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng . (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1951. Trú tại: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/02/2014): Ông Phan Đức T, sinh năm: 1976. (có mặt).

Địa chỉ: tỉnh Nghệ An

2/ Ông Phan Văn D1, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Úc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Bà Phan Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Trung V và bà Nguyễn Cửu Thị K. (có đơn xin xét xử vắng

mặt). Cùng địa chỉ: thành phố Đà Nẵng

5/ Công ty Cổ phần Bất động sản S. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H - Tổng Giám đốc (vắng mặt).

6/ Công ty Phát triển và Đầu tư Địa ốc Truyền thông A. Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/02/2014):

Ông Võ Xuân N - Luật sư Công ty Luật V - Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

7/ Chi nhánh Công ty cổ phần D tại Nghệ An. Địa chỉ: tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 22/7/2014): Bà Nguyễn Thị Quỳnh T. Địa chỉ: tỉnh Nghệ An (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Nguyễn Bá Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ, sơ nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn, ông Nguyễn Bá Q trình bày:

Vào ngày 12/12/2009 sau khi đã trao đổi thỏa thuận, giữa ông Nguyễn Trung D - Giám đốc Công ty cổ phần D gọi tắt là bên A và tôi tức Nguyễn Bá Q gọi tắt là bên B đã thống nhất ký kết Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT để bên B góp vốn đầu tư vào Dự án khu Đô thị mới C tại phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An do Công ty cổ phần D làm chủ đầu tư. Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

Từ ngày 06/1/2009 đến ngày 01/11/2010 bên B đã chuyển tiền đầy đủ số tiền

2.050.000.000đ cho bên A theo đúng quy định của hợp đồng.

Do số liệu đã nêu tại Điều 2 của hợp đồng có sai lệch so với số liệu bên B thực chuyển cho bên A đến ngày 10/12/2009, cho nên vào ngày 11/01/2010 hai bên đã cùng thống nhất lập phụ lục hợp đồng để điều chỉnh.

Như vậy bên B đã nghiêm chỉnh thực hiện và đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng nội dung của Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 nói trên.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, bên A đã có những thủ đoạn tráo trở, cụ thể: Ông Nguyễn Trung D đã làm Văn bản số: 69/BCCN ngày 29/3/2011 gửi đến cơ quan Công an thành phố V cho rằng tôi làm giả hợp đồng.

Sau khi kiểm tra xem xét và ngày 13/6/2011 cơ quan Công an thành phố V đã có văn bản trả lời.

Đồng thời tôi cũng đã làm đơn tố cáo các hành vi thủ đoạn gian xảo khác của ông Nguyễn Trung D đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nghệ An và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đến nay ông Nguyễn Trung D - Giám đốc bên A vẫn cố tình gian xảo không thực hiện nghiêm túc các điều khoản hợp đồng nói trên cụ thể: Từ sau khi Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT có hiệu lực từ ngày 01/11/2010 đến nay bên A không hề thông báo bằng văn bản cho bên B biết tình hình các mặt hoạt động của dự án. Bên A tự ý chuyển tiền cho những người hoàn toàn không có liên quan đến ban dự án. Không cho bên B tham gia vào ban quản

lý, điều hành dự án ...Bên A đã thực sự xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền lợi ích hợp pháp khác của bên B mà bên A đã cam kết rõ trong hợp đồng.

Tôi làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần D thực hiện nghiêm túc Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009.

- Đại diện Công ty cổ phần D trình bày:

Ông Nguyễn Bá Q được tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần D tại Nghệ An theo Quyết định bổ nhiệm số: 52/QĐGD ngày 31/8/2007. Đến ngày 24/02/2011 ông Q thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần D tại Nghệ An và nghỉ việc.

Công ty Cổ phần D và ông Q hoàn toàn không ký hợp đồng góp vốn đầu tư. Đối với Hợp đồng góp vốn đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 thì công ty có ý kiến như sau:

Dấu của công ty và chữ ký của ông Nguyễn Trung D trong hợp đồng số 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 là có thật nhưng trong quá trình làm việc ông D đã cấp cho ông Q 05 tờ giấy đã ký và đóng dấu không chỉ. Việc ký không này diễn ra tại nhà ông Q có sự chứng kiến của ông D2, bà O là nhân viên Ngân hàng S - Chi nhánh Nghệ An.

Việc ký 05 tờ giấy không chỉ theo vị trí có lúc ở dưới trang có lúc ở giữa trang thì điều này cần phải hỏi ông D. Sau đó ông Q sử dụng 05 tờ ký không này để soạn thảo nên Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009.

Vào thời điểm tháng 5/2008 khi Công ty Bất động sản S góp vốn thì giá trị dự án được xác định là 30.000.000.000đ. Nếu có Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 với ông Q thì sau một năm đương nhiên giá trị dự án sẽ tăng lên trên 30.000.000.000đ nhưng tại Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 xác định giá trị góp vốn của ông Q 2.050.000.000đ bằng 10% giá trị dự án, nghĩa là vào thời điểm có Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 thì giá trị dự án chỉ là 20.500.000.000đ là phi thực tế.

Về nguyên tắc các hợp đồng giữa Công ty cổ phần D với các cổ đông khác góp vốn dự án thì đều có chữ ký giáp lai từng trang của ông D, còn Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 không có chữ ký giáp lai. Mặt khác Hợp đồng 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 có hình thức không đúng với hợp đồng góp vốn mà Công ty cổ phần D ban hành.

Toàn bộ số tiền ông Q chuyển cho cá nhân ông D nếu có, là tiền giữa quan hệ cá nhân giữa Quang và ông D, không chuyển khoản vào Công ty D nên Công ty hoàn toàn không nhận được khoản tiền này.

Tại cuộc họp cổ đông ngày 28/5/2010 thì xác định cổ đông là Công ty E và Công ty A. Ông Q cũng có tham gia cuộc họp này nhưng chỉ với tư cách là đại diện của Công ty cổ phần D, nếu thực sự có Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 thì ông Q phải tham gia cuộc họp với tư cách là một nhà đầu tư.

Nay đại diện cho Công ty D, tôi khẳng định giữa công ty và ông Nguyễn Bá Q hoàn toàn không có ký hợp đồng đầu tư nào cả. Do đó Công ty D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Q về việc công nhận ông Q có hợp đồng đầu tư và yêu cầu thực hiện hợp đồng.

- Tại bản tự khai, ông Nguyễn Trung D trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 1998, do nhu cầu mua vật liệu xây dựng nên tôi có mua bán làm ăn với vợ chồng ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị N.

Đến năm 1998, ông Q bị bắt và bị xử án tù. Sau khi ra tù ông Q gặp tôi đề nhờ giúp đỡ tìm việc làm. Do cần người làm việc và có quan hệ bạn bè từ trước nên tôi giới thiệu ông Q và vợ là Nguyễn Thị N vào làm việc tại Công ty D.

Từ năm 2003 Công ty cổ phần D đã tiến hành đầu tư Dự án khu Đô thị mới Nam C tại phường V, thành phố V. Đến khoảng tháng 7/2007 do nhu cầu của công việc và xem ông Q như người nhà nên tôi đã giới thiệu ông Q với Hội đồng Quản trị công ty và đề nghị bổ nhiệm ông Q làm Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.

Trong thời gian ông Q công tác tại Nghệ An để giúp ông Q ổn định cuộc sống gia đình tôi đã nhiều lần cho ông Q và bà N vay tiền qua tài khoản công ty, tiền mặt cá nhân tôi, vay qua quỹ dự án tại Nghệ An....những khoản tiền vay của công ty và chi nhánh công ty tại Nghệ An ông Q đã chuyển trả và còn nợ lại. Riêng tiền vay của tôi ông Q đã trả bằng tiền mặt hoặc chuyển cho tôi qua tài khoản cá nhân của tôi và con trai tên là Nguyễn Phước Trung B ở các Ngân hàng H, Ngân hàng Đ. Tổng cộng số tiền chuyển trả qua tài khoản là 2 tỷ 50 triệu đồng (bao gồm cả tiền tôi đưa nhờ chuyển khoản vào E 50 triệu đồng nhờ mua thuốc Đông Trùng Hạ Thảo và trả các khoản nợ cá nhân...) lúc vay tiền ông Q có viết giấy vay cho tôi, khi ông Q chuyển trả tiền thì tôi đã hủy bỏ giấy vay tiền.

Đến tháng 11/2010 do phát hiện số dư quỹ tiền mặt dự án quá nhiều và nhận được đơn của một số nhà đầu tư góp vốn vào dự án tại Nghệ An khiếu nại về việc Ban quản lý Dự án thu tiền cao hơn giá niêm yết nên Hội đồng Quản trị công ty đã quyết định kiểm tra quỹ và rà soát lại hoạt động tài chính của Chi nhánh. Qua kiểm tra phát hiện nhiều sai phạm của ông Nguyễn Bá Q như: Thu để ngoài sổ sách, thu tiền chênh lệch của khách hàng, ứng tiền mặt và để ngoài sổ sách là 2.820.000.000đ. Đồng thời Chi nhánh Công ty tại Nghệ An thu hồi hơn 300 tờ giấy đóng dấu không chỉ của Chi nhánh từ ông Q do vậy Công ty quyết định tạm đình chỉ chức vụ của ông Q. Với cách là cá nhân tôi cũng đã yêu cầu ông Q chấp hành quyết định của Công ty và đề nghị ông Q khắc phục hậu quả đã gây ra.

Ông Q không chấp hành quyết định công ty và bắt đầu làm đơn tố cáo khiếu nại gửi các cơ quan ban ngành.

Việc ông Nguyễn Bá Q nêu trong đơn khởi kiện là chuyển tiền 2,05 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân tôi tại Ngân hàng HSBC để thực hiện hợp đồng góp vốn dự án là không có căn cứ, vì các lý do sau:

Thứ nhất: Lĩnh vực kinh doanh bất động sản là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, chỉ các pháp nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản mới được tham gia góp vốn vào thực hiện các Dự án kinh doanh bất động sản, cá nhân không được tham gia vì vậy Công ty cổ phần D không được phép ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với ông Nguyễn Bá Q như hợp đồng ông Q đã đưa ra.

Thứ hai: Việc ông Q mượn tiền của tôi và tôi gửi nhờ ông Q chuyển hộ và chuyển trả tiền vay cho tôi qua tài khoản cá nhân là chuyện bình thường. Các giấy chuyển trả tiền theo quy định của ngân hàng thì khi chuyển đều ghi mục đích

chuyển tiền nhưng trong các giấy chuyển tiền của ông Q đều không có mục đích chuyển thanh toán Hợp đồng số 03. Mục ghi chú nhỏ phía sau giấy chuyển tiền là do ông Q giả mạo ngân hàng để ghi thêm vào nhằm giải trình cho phù hợp đồng số 03, làm giả.

Thứ ba: Tôi là người làm quản lý nhiều năm, tôi chưa bao giờ ký những hợp đồng như Hợp đồng số 03, bởi theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Kế toán và quy định của Công ty thì việc thanh toán hợp đồng góp vốn là phải chuyển vào tài khoản Công ty và Công ty phải xuất phiếu thu hợp lệ cho ông Nguyễn Bá Q và muốn góp vốn để tham gia hợp đồng góp vốn thực hiện Dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng Quản trị Công ty D.

Thứ tư: Ông Q là người tham gia quản lý dự án thường xuyên dự họp và liên lạc với các đối tác góp vốn vào Dự án đều phải tuân thủ các quy định nêu trên, ông Q không thể nói là không biết.

Thứ năm: Việc có chữ ký của tôi trong Hợp đồng số 03 là do ông Q đã có những bản ký và đóng dấu không chỉ cho Công ty giao cho ông Q để làm thủ tục với Ngân hàng S - Chi nhánh Nghệ An. Việc ký và đóng dấu giấy không chỉ được thực hiện tại nhà ông Q khi cán bộ Ngân hàng S vào Đà Nẵng thẩm định, làm thủ tục cho vay có nhân viên văn thư D và có mặt của cán bộ ngân hàng làm chứng.

- Đại diện Công ty Phát triển và Đầu tư Địa ốc Truyền thông A, trình bày:

Công ty A có trụ sở tại Hoa Kỳ là thành viên góp vốn trong Dự án khu Đô thị Nam C, V, tỉnh Nghệ An với Công ty D. Tỷ lệ góp vốn là 25% (giá trị góp 5 tỷ Việt Nam đồng)

Hợp đồng góp vốn số: 08/HĐKT ngày 21/7/2007 cho đến nay Công ty D chưa chia lãi.

Về việc D chuyển nhượng vốn góp dự án cho ông Nguyễn Bá Q, cho Công ty cổ phần Bất động sản E là tự ý của D, vi phạm hợp đồng của Công ty A và Công ty D.

Do vậy về số tiền ông Nguyễn Bá Q chuyển vào tài khoản Công ty D và các cá nhân khác Công ty A hoàn toàn không biết đến khi xảy ra tranh chấp giữa hai bên. Ý kiến của chúng tôi như sau:

Công ty D đã vi phạm hợp đồng góp vốn của Công ty A có quyền mua cổ phần trước.

Công ty D phải có trách nhiệm khắc phục sự vi phạm khi bán 10% cho ông Nguyễn Bá Q.

Việc ông Nguyễn Bá Q kiện tiếp tục hợp đồng thì Công ty A không có ý kiến.

- Đại diện chi nhánh Công ty cổ phần D tại Nghệ An, trình bày.

Chi nhánh Công ty Cổ phần D tại Nghệ An có văn phòng tại khối Yên Giang, phường V, thành phố V Nghệ An là đơn vị hoạt động theo ủy quyền của Công ty cổ phần D có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng.

Cho đến nay, qua kiểm tra toàn bộ văn bản hợp đồng hợp tác đầu tư được lưu trữ tại phòng Hành chính Quản trị của Chi nhánh tại Nghệ An, Chi nhánh chúng tôi không được ủy quyền ký Hợp đồng góp vốn đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT và các vấn đề liên quan với ông Nguyễn Bá Q. Do đó Chi nhánh chúng tôi không

có trách nhiệm tham gia trong vụ án dân sự này.

Ông Nguyễn Bá Q (nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần D tại Nghệ An) lợi dụng sự tin nhiệm của ông Nguyễn Trung D - Giám đốc Công ty Cổ phần D nên đã có nhiều sai phạm nghiêm trọng trong điều hành dự án và quản lý tài chính của Chi nhánh giai đoạn từ 2007 đến 2010. Sau khi phát hiện, Công ty cổ phần D đã hủy bỏ việc ủy quyền điều hành và quyết định đình chỉ công tác đối với ông Nguyễn Bá Q, đồng thời Công ty cổ phần D và Chi nhánh Công ty tại Nghệ An đã có đơn tố cáo của ông Q tại Công an thành phố V

- Công ty Cổ phần Bất động sản S trình bày:

Vào ngày 06/5/2008 E và Công ty D ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 037/2008/HĐHTĐT để hợp tác đầu tư thực hiện Dự án khu Đô thị mới C, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Theo đó, E góp vốn đầu tư khai thác phân chia lợi nhuận và sản phẩm từ dự án này.

Sau khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư, E đã thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư giữa E và Công ty D không có bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc triển khai dự án.

Trong suốt quá trình hợp tác đầu tư chúng tôi chỉ được biết ông Nguyễn Bá Q là Phó Trưởng Ban quản lý Dự án khu Đô thị mới C phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An chứ chưa từng được giới thiệu là một bên góp vốn khác của dự án này. Việc ông Q cũng như những tổ chức cá nhân khác có tham gia góp vốn với chủ đầu tư D hay không chúng tôi không biết. Nếu có, không liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư giữa E và D. Do đó tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư giữa ông Nguyễn Bá Q và Công ty D là việc giữa hai chủ thể này không liên quan gì đến E.

Mặt khác, vào ngày 27/5/2014, E và Công ty D cũng đã ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, theo đó E không còn liên quan gì đến Dự án khu Đô thị mới C, phường V thành phố V, tỉnh Nghệ An và không còn quyền, nghĩa vụ đối với các bên trong dự án. Do đó E không có yêu cầu gì đến vụ kiện nêu trên và xin thông báo không tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện và các phiên tòa xét xử vụ kiện nêu trên.

- Tại đơn trình bày ngày 20/3/2016, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt và rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án ngày 06/4/2018, ông Phan Văn D1 trình bày:

Ông Nguyễn Bá Q được Công ty ký hợp đồng lao động và bổ nhiệm làm Phó Giám đốc tại Chi nhánh Nghệ An. Ông Q đã có nhiều sai phạm. Đến ngày 31/01/2007 ông Q đã tự ý bỏ việc và Chi nhánh Công ty đã ra quyết định đình chỉ công tác.

Trong thời gian công tác tại Chi nhánh Nghệ An, do tính chất công việc nên ông Nguyễn Trung D đã tin tưởng và giao cho ông Q 05 tờ giấy không chỉ, đã ký tên ông D và đóng dấu Công ty D để ông Q làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng S - Chi nhánh Nghệ An ngày 27/12/2010. Trong đó ông Q chỉ sử dụng một tờ để làm giấy ủy quyền ngày 28/12/2010 về việc ký chứng từ nộp tiền sử dụng đất của KĐT mới Nam C. Còn lại 04 tờ không chỉ, lợi dụng sự tin tưởng của ông D đối với mình, ông Q đã tự ý dùng 04 giấy không chỉ trên để làm giả các giấy tờ sau:

Hợp đồng góp vốn Hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVĐT ngày 12/12/2009; Phụ

lục hợp đồng ngày 11/01/7010; Giấy đề nghị xác nhận gửi Công ty CP Tư vấn và Xây dựng 805 ngày 23/5/2010 và Giấy cam kết xác nhận ngày 27/12/2010.

Trong quá trình làm việc tại Công ty Danantol với tư cách là Phó Chủ tịch HĐQT, tôi khẳng định:

HĐQT Công ty chưa hề được biết đến hoặc nghe bất kỳ thông tin nào liên quan đến hợp đồng góp vốn của ông Nguyễn Bá Q.

HĐQT Công ty với thành viên góp vốn vào khu Đô thị mới Nam C đã được xác định rõ ràng trong biên bản họp ngày 28/5/2010 bao gồm Công ty cổ phần D, Công ty Phát triển Truyền thông A và Công ty E. Trong cuộc họp này, ông Q chỉ tham gia với tư cách là Phó Giám đốc điều hành chưa bao giờ được xem là cổ đông của Công ty D.

Tất cả các hợp đồng góp vốn, công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy định của công ty và chi nhánh. Toàn bộ quan hệ tài chính liên quan đến công ty phải được sử dụng tài khoản của công ty được đăng ký tại các ngân hàng, do vậy việc chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Trung D là không hợp lý, nên hợp đồng trên không có giá trị pháp lý và Hội đồng Quản trị không công nhận sự hợp lệ của hợp đồng.

Từ khi Chi nhánh Nghệ An đi vào hoạt động đến nay, tôi chưa có bất kỳ thông tin nào từ Công ty D, ông D báo cáo về việc ông Q có tham gia góp vốn vào dự án mà chỉ biết ông Q được tuyển dụng vào chức danh Phó Giám đốc Chi nhánh Nghệ An.

Đoàn thanh tra Công ty đã gửi Tờ trình số: 10/TT-CT cho Công an thành phố V về những sai phạm của ông Q nhưng không được xử lý triệt để nên dẫn đến việc ông Q khởi kiện.

Vì điều kiện ở xa nên tôi không có điều kiện tham gia được, vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến, ông Nguyễn Trung V, bà Phan Thị L và bà Nguyễn Cửu Thị K thống nhất trình bày:

Việc ông Nguyễn Bá Q khởi kiện Công ty cổ phần D yêu cầu Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đối với ông Q, chúng tôi xin khẳng định với tư cách là cổ đông góp vốn của Công ty cổ phần D chúng tôi không hề biết có hợp đồng này. Vì vậy chúng tôi không chấp nhận việc ông Nguyễn Bá Q cho rằng mình là nhà đầu tư góp vốn vào Công ty của chúng tôi.

Chúng tôi làm văn bản này để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá Q cho Tòa án được biết.

Vì điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn nên chúng tôi đề nghị xin được vắng mặt trong quá trình quý tòa xem xét giải quyết vụ án.

Với nội dung nêu trên tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2018/KDTM- ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

- Căn cứ Điều 93, 94 và Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149 Luật Doanh Nghiệp; Điều 8 Luật kinh doanh bất động sản năm 2006; Điều 3 Nghị định 153/NĐ-CP ngày 15/10/2007; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá Q về việc buộc Công ty Cổ phần D thực hiện Hợp đồng Góp vốn Hợp tác Đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 ông Nguyễn Bá Q kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Bá Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá Q, sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ nộp án phí dân sự theo giá ngạch đối với ông Q.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần D đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện của ông Q cho rằng, trên cơ sở thống nhất việc đầu tư với ông Nguyễn Trung D - Giám đốc Công ty cổ phần D, ngày 12/12/2009 ông và Công ty đã ký hợp đồng hợp tác, với số tiền góp vốn của ông là 2.050.000.000đ tương đương 10% giá trị Dự án Khu Đô thị mới C, thành phố V, số tiền này ông chuyển nhiều lần vào tài khoản của ông Nguyễn Trung D theo các chứng từ ủy nhiệm chi tại Ngân hàng HSBC. Tính đến nay, ông đã hoàn thành việc góp vốn như thỏa thuận nhưng Công ty CP D mà trực tiếp là ông Nguyễn Trung D - Giám đốc, không cho ông thực hiện quyền của một thành viên góp vốn.

[2] Còn đại diện Công ty D và ông Nguyễn Trung D thì cho rằng giữa ông Nguyễn Bá Q và Công ty thực tế là không có đóng góp vốn. Hợp đồng số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 10/01/2010, ông Q xuất trình để làm căn cứ khởi kiện là trên cơ sở ông D ký không 05 tờ giấy, có đóng dấu Công ty và D và chữ ký của ông D để ông Q thuận lợi trong việc vay tiền giao dịch tại ngân hàng. Đây là hợp đồng do ông Q giả mạo.

[3] HĐXX thấy: Căn cứ Kết luận giám định số: 42/GĐKTHSTT ngày 08/6/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nghệ An thì Hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 và Phụ lục ngày 10/01/2010 là các văn bản có thật, chữ ký ông Nguyễn Trung D với tư cách là Giám đốc Công ty cổ phần D là do ông D ký ra và con dấu Công ty được xác định là dấu của Công ty cổ phần D.

[4] Xét giá trị pháp lý của hợp đồng số 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009

và Phụ lục ngày 10/01/2010. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Việc tồn tại văn bản hợp đồng góp vốn và phụ lục hợp đồng nói trên không phải là căn cứ duy nhất để xác định có việc ông Q góp vốn với Công ty D để từ đó buộc Công ty D phải có nghĩa vụ ràng buộc phải thực hiện hợp đồng, mà cần phải xem xét trên thực tế có việc góp vốn hay không, nếu có thì việc góp vốn có tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, trình tự, điều kiện góp vốn hay không? Mặt khác cần phải xem xét về hình thức của hợp đồng cũng như thẩm quyền ký kết hợp đồng theo điều lệ của Công ty D và luật Doanh nghiệp.

[4.2] Ngày 31/8/2007 ông Nguyễn Bá Q được bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh D tại Nghệ An theo Quyết định số: 52/QĐ-GĐ, do vậy ông Q phải biết và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty D về hoạt động của doanh nghiệp mà cụ thể là trong các lĩnh vực góp vốn đầu tư liên quan đến tiền và tài sản khác của doanh nghiệp, cũng như việc ký kết hợp đồng của Giám đốc Công ty theo Điều lệ của Công ty những loại hợp đồng nào phải có sự thống nhất và thông qua Hội đồng quản trị.

[4.3] Theo quy định tại điểm K khoản 2 Điều 31 của Điều lệ Công ty D quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị như sau “ *Quyết định cơ cấu tổ chức quy chế nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác* ” (BL87). Như vậy hợp đồng nêu trên được ký kết giữa ông Q và ông D là giám đốc Công ty mà chưa có sự đồng ý của Hội đồng quản trị là không có giá trị pháp lý và giàng buộc. Đơn kháng cáo của ông Q cho rằng việc ký kết hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư nêu trên là thuộc thẩm quyền của giám đốc công ty theo quy định tại Điều 116 Luật doanh nghiệp “ *Giám đốc hoặc tổng giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị* ” là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.5] Xét chứng cứ về việc ông Q nộp tiền vào Công ty theo cam kết trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tất cả các hợp đồng góp vốn, phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, điều lệ của công ty. Xem xét các ủy nhiệm chi do ông Q cung cấp thì toàn bộ số tiền 2.050.000.000đ là giao dịch giữa ông Q với cá nhân ông Nguyễn Trung D, trong đó có cả việc ông Q chuyển cho ông D để ông D trả tiền mua căn hộ B5-10 Dự án Chung cư Ngọc Lan và có cả những khoản tiền mà ông Q chuyển cho ông D trước khi ký hợp đồng. Ông Q không có chứng cứ chứng minh cho việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty, về phía Công ty và ông D không thừa nhận có việc góp vốn của ông Q. Do vậy việc ông Q cho rằng có việc hợp tác đầu tư với Công ty D, nhưng lại chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Trung D là không hợp lý, nên hợp đồng trên không có giá trị pháp lý, và ràng buộc đối với Công ty D.

[4.6] Quá trình thực hiện dự án nói trên thì ngoài Công ty A và E là hai đơn vị góp vốn đầu tư với Công ty D thì không có tổ chức, cá nhân nào tham gia đầu tư dự án. Điều này, thể hiện tại cuộc họp cổ đông ngày 28/5/2010 đã xác định: “ *Các cổ đông tham gia Dự án đến nay gồm có: Công ty D: 40%; E: 35% và Công ty A: 25%* ”. Trong khi ngày 12/12/2009 ông Q đã ký Hợp đồng góp vốn số: 03/HĐGVHTĐT nhưng tại cuộc họp cổ đông ngày 28/5/2010 ông Q không có ý kiến phản đối khi không được xác định là một thành viên góp vốn. Tại đơn kháng

cáo ông Q cho rằng tại cuộc họp ngày 12/12/2009 ông chưa góp đủ vốn nên chưa phải là thành viên Công ty. Như vậy nếu ông chưa phải là thành viên công ty thì tại thời điểm 25/8/2010 ông cũng biết tỷ lệ góp vốn của các thành viên, và số tiền mà Ông cho rằng đã góp vốn vào Công ty theo hợp đồng 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009, nhưng cũng không được Hội đồng thành viên xem xét đề cập trong việc báo cáo tình hình tài chính và hoạt động của Công ty D. Tại buổi họp Ông cũng không có ý kiến gì.

[4.7] Tại Kết luận số: 606/KL-UBND.KT ngày 15/11/2013 của Thanh tra Nhà nước tỉnh Nghệ An (trang 18 Kết luận 606) cũng xác định Công ty Phát triển và Đầu tư Địa ốc và Truyền thông A và Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực S là hai đơn vị góp vốn, ngoài ra, không có tổ chức, cá nhân nào tham gia góp vốn đầu tư với Công ty cổ phần D:

[4.8] Tại kết luận giám định số 547/C54C(DD2) ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Phân viện khoa học hình sự Đà Nẵng đã kết luận “ *Hình dấu tròn có nội dung CÔNG TY CỔ PHẦN D trên các tài liệu cần giám định không được đóng vào các ngày 12/12/2009, 11/01/2010 mà được đóng vào thời gian khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2010 đến giữa tháng 10 năm 2010*”

[5] Như vậy việc giao dịch chuyển tiền giữa ông Q và ông D nếu có thì đó là giao dịch dân sự giữa 02 người với nhau như lời thừa nhận của ông D chứ hoàn toàn không liên quan gì đến quyền và nghĩa vụ của pháp nhân, là Công ty cổ phần D.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên xét thấy, án sơ thẩm xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét do vậy đơn kháng cáo của ông Q là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Bá Q phải chịu án phí phúc thẩm. Án sơ thẩm không buộc ông Q phải chịu án phí sơ thẩm theo giá ngạch là có căn cứ, vì đây là quan hệ pháp luật về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá Q

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 10/2018/KDTM-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ Điều 93, 94 và Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149 Luật Doanh Nghiệp; Điều 8 Luật kinh doanh bất động sản năm 2006; Điều 3 Nghị định 153/NĐ-CP ngày 15/10/2007; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá Q về việc buộc Công ty Cổ phần D thực hiện Hợp đồng Góp vốn Hợp tác Đầu tư số: 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009. Vì hợp đồng số 03/HĐGVHTĐT ngày 12/12/2009 và phụ lục hợp đồng ngày 11/01/2010 không có hiệu lực thi hành đối với Công ty Cổ phần D.

2/ Án phí KDTM-PT, ông Nguyễn Bá Q phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu số: 001438 ngày

13/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Các đương sự;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- Tòa án Tp Đà Nẵng;
- VKS Tp Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành